

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu đòi tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lan Hương
- Ông Phan Mai Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 đến ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 18/2024/TBTA-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1979.

Trú tại: Số 1, thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Phương B**, sinh năm 1978.

Trú tại: Số 1, thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1952.

Trú tại: Số 1, thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương B, sinh năm 1978 (*Giấy ủy quyền ngày 25/3/2024*).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2021, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Phương B cùng chung sống từ ngày 04/12/1999, đăng ký kết hôn vào năm 2004, ông bà chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2020 và ly hôn theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà L xác định trong quá trình chung sống, ông bà tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 176637 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 11/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Phương B, đất có nguồn gốc do vợ chồng chuyển nhượng của ông Huỳnh Thanh P, bà Nguyễn Thị Kim H; trên đất có 01 nhà ở diện tích 100m² và 01 nhà tạm diện tích 56m², hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B quản lý.

Diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 11/4/2012 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L; trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m², hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L quản lý.

Diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B, có nguồn gốc ông bà chuyển nhượng của bà Kim A, hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L quản lý.

Diện tích 4.593m² thuộc thửa đất số 985, 808, 777, tờ bản đồ số 30 xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; đất có nguồn gốc là do trong quá trình vợ chồng sử dụng diện tích đất 3.070m² thửa đất số 986, 987 tờ bản đồ số 30 xã Phú Hội là tài sản riêng của ông B từ năm 2000 thì vợ chồng có cải tạo đất, múc hồ, dọn đá diện tích đất liền kề khai phá thêm được, hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài sản sinh hoạt gia đình gồm: 01 máy giặt hiệu Toshiba cũ (đã hỏng), 01 bếp ga Asanzo, 01 bình ga, 01 máy lọc nước Sunhouse, 01 tủ chén bằng kính, 01 bàn lớn,

01 ghế nằm gỗ, 01 tủ quần áo gỗ, 04 giường gỗ, 01 máy giặt Toshiba mới, 01 kệ trang điểm, 01 âm ly Caly D&Y, 02 cái loa hiệu Birici, 01 kết sắt hiệu Bacehent, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 bàn inox, 10 ghế nhựa, 01 tủ gỗ, 01 tủ giày gỗ, 01 giàn năng lượng mặt trời, 01 bồn nước 1000 lít, 1.000m ống tưới.

Bà Trần Thị L yêu cầu chia đôi tài sản chung, mỗi người được nhận 1/2 tài sản, phân chia tài sản theo hiện vật; trong đó bà yêu cầu được nhận diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m² do hiện nay bà có nhu cầu nhận đất để làm nhà ở và yêu cầu nhận 01 máy giặt Toshiba mới, 01 kệ trang điểm, 01 âm ly Caly D&Y, 02 cái loa hiệu Birici, 01 kết sắt hiệu Bacehent, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 bàn inox, 01 tủ giày gỗ, 01 giàn năng lượng mặt trời + 01 bồn nước 1000 lít. Bà yêu cầu giao ông Phương B được nhận diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, trên đất có 01 nhà ở cấp 4 diện tích 100m², 01 nhà tạm diện tích 56m² và nhận tài sản sinh hoạt gồm 01 máy giặt hiệu Toshiba cũ (đã hỏng), 01 bếp ga Asanzo, 01 bình ga, 01 máy lọc nước Sunhouse, 01 tủ chén bằng kính, 01 bàn lớn, 01 ghế nằm gỗ, 01 tủ quần áo gỗ, 04 giường gỗ, 10 ghế nhựa, 01 tủ gỗ, 1.000m ống tưới. Đối với diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P do hiện nay bà không có điều kiện thanh toán lại giá trị nên bà không có yêu cầu nhận diện tích đất này. Các bên có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung.

Đối với 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong thì hiện nay bà L không có tranh chấp, bà đồng ý giao ông Nguyễn Phương B được nhận và không phải thanh toán giá trị.

Đối với 01 xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065744 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp tháng 11 năm 2020 mang tên bà Trần Thị L. Xe do ông bà mua năm 2019 với giá 180.000.000đ, tại thời điểm ly hôn vợ chồng còn nợ Ngân hàng 140.000.000đ nên thỏa thuận giao cho bà nhận xe và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Bà đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh L II số tiền 145.463.068đ và quản lý, sử dụng xe từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Bà xác định xe ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88 hiện nay có giá trị 70.000.000đ là tài sản riêng của bà.

Về nợ chung: Bà rút yêu cầu về việc thanh toán số tiền nợ bà T do bà không thể cung cấp thông tin về bà T và cung cấp tài liệu về khoản nợ này.

- Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Phương B yêu cầu bà trả 69.529.625đ thì bà không thừa nhận các khoản nợ chung do ông B trình bày liên quan đến việc thầu xây dựng của ông B nên bà không đồng ý trả số tiền trên cho ông B.

- Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn Phương B được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008. Từ khi ông bà ly hôn thì bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và ông B không có sự quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm đóng góp với bà nuôi dưỡng cháu. Bà L khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung với ông Nguyễn Phương B, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008 cho đến ngày thành niên và bà yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H1 với mức 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày thành niên.

- Đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị H yêu cầu bà và ông B trả lại diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura thì bà không đồng ý vì diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc vợ chồng bà chuyển nhượng của ông Huỳnh Thanh P, bà Nguyễn Thị Kim H, tiền chuyển nhượng là tiền của vợ chồng tích góp và bà Huỳnh Thị H không có công sức đóng góp. Quá trình vợ chồng chung sống có sử dụng diện tích đất của bà H thì ông bà đã trả 5.000.000đ/năm tiền thuê đất cho bà H.

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2023, lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phương B trình bày: Ông và bà Trần Thị L ly hôn theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Trần Thị L:

Quá trình ông bà chung sống có tạo lập được tài sản chung gồm: Diện tích 3.776 m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B và diện tích 157 m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L; hiện nay 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đang quản lý. Ông xác định 02 diện tích là tài sản chung của ông, bà L và bà H có công sức đóng góp bằng việc giao tài sản là diện tích đất 986, 987 tờ bản đồ số 30 xã P và diện tích đất thuộc thửa 985, 808, 777, tờ bản đồ số 30 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng sử dụng có thu nhập để mua 02 diện tích đất thửa 182 và thửa 798 nên đề nghị Tòa án chia cho ông được nhận 40% giá trị, bà L được nhận 40% giá trị và bà Huỳnh Thị H được nhận 20% giá trị.

Ông yêu cầu chia tài sản chung phân chia tài sản theo hiện vật; ông yêu cầu được

nhận diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P, trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m²; yêu cầu bà L được nhận diện tích 3.776 m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B; trong trường hợp ông được nhận diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P thì ông có trách nhiệm thanh toán lại giá trị diện tích đất trên. Đối với tài sản sinh hoạt trong gia đình ông đồng ý phân chia tài sản theo thực tế các bên đang quản lý, sử dụng.

- Ông xác định diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 176637 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 11/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Phương B có nguồn gốc là do bà Huỳnh Thị H cho tiền để vợ chồng mua đất, làm nhà nên ông xác định nhà đất là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị H và ông yêu cầu trả lại cho bà Huỳnh Thị H đất và nhà trên.

- Ông rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Trần Thị L trả cho ông số tiền 69.529.625đ do ông đã trả nợ cho ông P cửa sắt 3.000.000đ ngày 25/12/2021; chị T 20.000.000đ mua vật liệu ống tưới để làm vườn tại diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P; anh H2 máy đào 20.000.000đ mục đích để mức cây cà phê cải tạo đất trồng cây rau màu, đã trả khoản nợ ngày 29/01/2022; Cửa hàng vật liệu xây dựng V 4.000.000đ ngày 12/12/2020, khoản nợ này mua vật liệu để xây dựng nhà cho người khác; Cửa hàng vật liệu xây dựng C 15.459.250đ vào tháng 11 năm 2020 do mua vật liệu xây dựng để đi làm công trình xây dựng cho người khác; ông Huỳnh Kim Anh D 40.000.000đ ngày 02/3/2021 + 40.600.000đ ngày 25/02/2022. Ông rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà L thanh toán cho ông 1/2 giá trị của xe ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88 là 30.000.000đ và xác định 01 xe ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88 là tài sản riêng của bà L.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì ông trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008. Hiện nay, bà L có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì ông đồng ý giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1 cho đến ngày thành niên, ông đồng ý cấp dưỡng với mức 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày con chung thành niên.

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, lời khai tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Huỳnh Thị H do ông Nguyễn Phương B đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H đưa tiền cho ông Nguyễn Phương B

20.000.000đ và 3,5 cây vàng để đi mua đất của ông Huỳnh Tấn P diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và làm 01 căn nhà trên đất. Trước khi ông B cưới vợ thì bà có cho tiền ông B mua 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa và 01 máy cày hiệu Shiboura để B làm nghề xây dựng. Bà H rút 1 phần yêu cầu độc lập đối với việc yêu cầu ông B, bà L trả lại cho bà H 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura. Hiện nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phương B và bà Trần Thị L trả lại cho bà diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung đối với diện tích 4.593m² thuộc thửa đất số 985, 808, 777, tờ bản đồ số 30 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và 02 Máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền 69.529.625đ và rút yêu cầu bà L thanh toán cho ông 1/2 giá trị đóng góp mua xe ô tô 30.000.000đ. Ông B xác định 01 xe ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88 là tài sản riêng của bà Trần Thị L.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút 1 phần yêu cầu độc lập đối với việc yêu cầu ông B, bà L trả lại cho bà H 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa và 01 máy cày hiệu Shiboura. Hiện nay bà H giữ nguyên yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L trả lại cho bà diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Nguyễn

Phuong B trong đó giao bà L được nhận diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P; giao ông B được nhận diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P và diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P, ông B có trách nhiệm thanh toán 1/2 giá trị thửa đất bằng tiền cho bà L. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008 cho đến ngày thành niên và ông B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H1 với mức 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày thành niên. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu ông B, bà L trả lại diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Phương B ly hôn theo Quyết định số Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nhưng không chia tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tạo lập được khối tài sản chung, do không thể tự thỏa thuận phân chia nên khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008 với ông Nguyễn Phương B; còn bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L trả lại diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Xác định đây là vụ án *“Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu đòi tài sản”* theo quy định tại khoản 2 Điều 26; khoản 1, 3 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản chung thì thấy rằng: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Phương B tổ chức lễ cưới và cùng chung sống từ tháng 12 năm 1999, đăng ký kết hôn vào năm 2004, đến năm 2018 ly hôn theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B đối với diện tích 3.776m² đất trồng cây hàng năm khác thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P; Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 ngày 11/4/2012 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L đối với diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P trong đó đất ở nông thôn 92m², đất trồng cây hàng năm

khác 65m² và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 176637 ngày 11/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Phương B đối với diện tích 111m² đất ruộng màu thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P. Các đương sự đều thừa nhận và không có khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là chứng cứ do các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

2.1. Diện tích đất 3.776 m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P và diện tích đất diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P theo nguyên đơn xác định đây là tài sản chung giữa bà và ông B, còn theo bị đơn xác định bà Huỳnh Thị H có công sức đóng góp nên đây là tài sản chung giữa ông, bà L và bà H đồng thời yêu cầu chia tài sản này cho 03 người.

Xét các tài liệu, chứng cứ thể hiện tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông B là diện tích 3.776m² đất trồng cây hàng năm thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B và diện tích đất 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P, đất đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 ngày 11/4/2012 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L, ông bà trực tiếp quản lý sử dụng đất và trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m² được sử dụng để bà L kinh doanh, ông B không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà H có công sức đóng góp để tạo lập tài sản này, đồng thời bà H không có tranh chấp nên không có cơ sở chấp nhận diện tích đất trên là tài sản chung của bà H.

2.2. Đối với diện tích 111 m² đất ruộng màu thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P:

Nguyên đơn xác định tài sản trên là tài sản chung giữa bà và ông B; bị đơn trình bày mẹ ông là bà Huỳnh Thị H cho tiền vàng để mua đất và làm nhà nên xác định nhà đất là tài sản riêng của bà H và yêu cầu trả lại cho bà Huỳnh Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L trả lại diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với lý do bà đưa tiền cho B số tiền 20.000.000đ và 3,5 cây vàng để đi mua đất của ông Huỳnh Tấn P diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và làm 01 căn nhà trên đất.

Xét các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp, trong đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 24/11/2003 của ông Nguyễn Phương B thể hiện người xin đăng ký quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Phương B, vợ bà Trần Thị Kim Liên, nguồn gốc thửa đất

sang nhượng của Huỳnh Thanh P năm 2003 và theo Giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 27/02/2003 ký kết giữa ông Huỳnh Thanh P, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L. Quá trình ông B và bà L chung sống xây dựng trên đất 01 nhà cấp 4 diện tích 100m², kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch men, mái lợp tôn, cửa đi khung sắt lắp kính, trần nhựa; 01 nhà tạm diện tích 56m², kết cấu tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, cửa sắt kéo và ông bà sử dụng nhà đất từ năm 2003 cho đến nay, có kinh doanh tại nhà đất. Ông Nguyễn Phương B, bà Huỳnh Thị H không xuất trình được chứng cứ chứng minh và bà Trần Thị L không thừa nhận việc bà Huỳnh Thị H có cho tiền và vàng để tạo lập tài sản diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, 01 căn nhà diện tích 100m² nên không có cơ sở chấp nhận là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị H.

Từ phân tích trên đã đủ căn cứ xác định diện tích 3.776m² đất trồng cây hàng năm khác thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B; diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P trong đó đất ở nông thôn 92m², đất trồng cây hàng năm khác 65m² do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 ngày 11/4/2012 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L, trên đất 01 nhà tạm diện tích 50,4m² tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, cửa sắt kéo, trần tôn lạnh; diện tích 111m² đất ruộng màu thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 176637 ngày 11/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Phương B, trên đất 01 nhà cấp 4 diện tích 100m² kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch men, mái lợp tôn, cửa đi khung sắt lắp kính, trần nhựa; 01 nhà tạm diện tích 56m² kết cấu tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, cửa sắt kéo, 01 nhà tạm diện tích 50,4m² tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, cửa sắt kéo, trần tôn lạnh và tài sản sinh hoạt gia đình gồm: 01 máy giặt hiệu Toshiba cũ (đã hỏng), 01 bếp ga Asanzo, 01 bình ga, 01 máy lọc nước Sunhouse, 01 tủ chén bằng kính, 01 bàn lớn, 01 ghế nằm gỗ, 01 tủ quần áo gỗ, 04 giường gỗ, 01 máy giặt Toshiba mới, 01 kệ trang điểm, 01 âm ly Caly D&Y, 02 cái loa hiệu Birici, 01 két sắt hiệu Bacehent, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 bàn inox, 10 ghế nhựa, 01 tủ gỗ, 01 tủ giày gỗ, 01 giàn năng lượng mặt trời, 01 bồn nước 1000 lít, 1.000m ống tưới là tài sản chung của ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và mỗi người được nhận 1/2 giá trị tài sản chung.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định giá trị tài sản định giá theo Chứng thư thẩm định giá ngày 09/8/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ nên Hội đồng xét xử phân chia tài sản theo kết quả định giá này. Tổng giá trị tài sản chung

là 5.347.966.679đ. Bà L và ông B mỗi người được nhận giá trị tài sản là $5.347.966.679đ : 2 = 2.673.983.339,5đ$ làm tròn 2.673.983.400đ.

2.5. Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung, mỗi người được nhận 1/2 tài sản, phân chia tài sản theo hiện vật; trong đó bà yêu cầu được nhận gồm diện tích 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L; trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m²; yêu cầu nhận tài sản sinh hoạt do bà đang quản lý gồm 01 máy giặt Toshiba mới, 01 kệ trang điểm, 01 âm ly Caly D&Y, 02 cái loa hiệu Birici, 01 két sắt hiệu Bacehent, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 bàn inox, 01 tủ giày gỗ, 01 giàn năng lượng mặt trời + 01 bồn nước 1000 lít. Bà yêu cầu giao ông Phương B được diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 176637 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 11/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Phương B, trên đất có 01 nhà ở cấp 4 diện tích 100m², 01 nhà tạm diện tích 56m² và tài sản sinh hoạt do ông B đang quản lý gồm 01 máy giặt hiệu Toshiba cũ (đã hỏng), 01 bếp ga Asanzo, 01 bình ga, 01 máy lọc nước Sunhouse, 01 tủ chén bằng kính, 01 bàn lớn, 01 ghế nằm gỗ, 01 tủ quần áo gỗ, 04 giường gỗ, 10 ghế nhựa, 01 tủ gỗ, 1.000m ống tưới. Đối với diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P thì bà không yêu cầu được nhận vì bà không có khả năng thanh toán lại giá trị. Bên nhận giá trị tài sản nhiều hơn có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch chia tài sản chung. Bà L đồng ý giao ông B nhận 02 Máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong và không phải thanh toán giá trị cho bà L.

Bị đơn yêu cầu được nhận diện tích đất 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155, trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m²; đối với diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P thì ông yêu cầu chia theo giá trị, trong trường hợp ông được nhận quyền sử dụng diện tích đất trên thì ông có trách nhiệm thanh toán cho bà L 40% giá trị và bà H 20% giá trị.

Xét thấy: Đơn xác nhận phân chia tài sản ngày 04/11/2021 ký kết giữa ông B và bà L tuy nhiên không thỏa thuận cụ thể việc phân chia tài sản đối với quyền sử dụng đất nào, không có cơ sở để thực hiện và trên thực tế các bên không thực hiện thỏa thuận, phát sinh tranh chấp về việc phân chia tài sản chung nên không căn cứ vào Văn bản này làm cơ sở để giải quyết tranh chấp.

Ông Nguyễn Phương B trực tiếp quản lý sử dụng diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P trên đất có 01 nhà ở cấp 4 diện tích 100m² và 01 nhà tạm diện tích 56m² từ khi ông bà ly hôn.

Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện nhu cầu, mục đích sử dụng, ý chí của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả định giá, Hội đồng xét xử xác định giá trị tài sản thấy cần phải phân chia khối tài sản chung của bà L và ông B như sau:

Chia cho bà Trần Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P giá trị 157m² x 14.715.000đ/m² = 2.310.255.000đ; trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m² giá trị 67.815.000đ; 01 máy giặt Toshiba mới giá trị 4.000.000đ, 01 kệ trang điểm giá trị 400.000đ, 01 âm ly Caly D&Y giá trị 950.000đ, 02 cái loa hiệu Birici giá trị 1.300.000đ, 01 kết sắt hiệu Bacehent giá trị 1.500.000đ, 01 tủ lạnh Panasonic giá trị 3.250.000đ, 01 bàn inox giá trị 440.000đ, 01 tủ giày gỗ giá trị 500.000đ, 01 giàn năng lượng mặt trời giá trị 3.000.000đ + 01 bồn nước 1000 lít giá trị 1.600.000đ; tổng giá trị tài sản bà L nhận 2.395.010.000đ. Bà Trần Thị L có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật và được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung do ông B thanh toán: 2.673.983.400đ – 2.395.010.000đ = 278.973.400đ và bà L có trách nhiệm giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B cho ông B.

Chia cho ông Nguyễn Phương B được quyền sử dụng diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P giá trị 111m² x 14.715.000đ/m² = 1.633.365.000đ, trên đất có 01 nhà ở cấp 4 diện tích 100m² giá trị 206.880.320đ và 01 nhà tạm diện tích 56m² giá trị 75.350.839đ; diện tích 3.776 m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P giá trị 1.019.595.500đ; 01 máy giặt hiệu Toshiba cũ (đã hỏng); 01 bếp ga Asanzo giá trị 600.000đ, 01 bình ga giá trị 175.000đ, 01 máy lọc nước Sunhouse giá trị 1.500.000đ, 01 tủ chén bằng kính giá trị 400.000đ, 01 bàn lớn giá trị 1.200.000đ, 01 ghế nằm gỗ giá trị 440.000đ, 01 tủ quần áo gỗ giá trị 750.000đ, 04 giường gỗ giá trị 3.000.000đ, 10 ghế nhựa giá trị 200.000đ, 01 tủ gỗ giá trị 500.000đ, ống tưới dài 1.000m giá trị 8.000.000đ; tổng giá trị tài sản ông B nhận 2.952.956.679đ. Ông Nguyễn Phương B được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B do bà L giao và có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật, có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung cho bà L: 2.952.956.679đ - 2.673.983.339đ = làm tròn 278.973.400đ.

Ông Nguyễn Phương B được quyền sở hữu 02 Máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thay đổi người trực tiếp nuôi

con sau khi ly hôn thì thấy rằng:

Theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn Phương B được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008. Từ khi vợ chồng ly hôn thì trên thực tế bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Gia H1 và tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trong đó giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày con chung trưởng thành; đồng thời cháu Nguyễn Gia H1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008 cho đến ngày thành niên và ông Nguyễn Phương B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H1 với mức 3.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày thành niên phù hợp với khả năng cấp dưỡng của ông B, nhu cầu thiết yếu của con chung là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L trả lại diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thì thấy: Do xác định diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của bà Huỳnh Thị H.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung đối với diện tích 4.593m² thuộc thửa đất số 985, 808, 777, tờ bản đồ số 30 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong và rút yêu cầu giải quyết khoản nợ 50.000.000đ của bà T nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền 69.529.625đ và yêu cầu bà L thanh toán số tiền 30.000.000đ đóng góp mua 01 ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88 nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút 1 phần yêu cầu độc lập đối với việc yêu cầu ông B, bà L trả lại 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký,

01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura nên đình chỉ yêu cầu độc lập này của bà Huỳnh Thị H.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 35.492.000đ. Xét việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản tranh chấp là cần thiết để giải quyết vụ án nên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B mỗi người phải chịu 1/2 chi phí, cụ thể: $35.492.000đ : 2 = 17.746.000đ$. Do bà L đã quyết toán xong nên ông B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà L số tiền 17.746.000đ.

[7] Về án phí:

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Phương B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia 2.673.983.400đ là 85.479.668đ.

Ông Nguyễn Phương B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ. Tổng số án phí bị đơn phải chịu là 85.779.668đ.

Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi lại tài sản tuy nhiên bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1952 xin miễn án phí và thuộc trường hợp miễn d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 33, Điều 35, Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 và 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc chia tài sản chung đối với thửa đất số 985, 808, 777, tờ bản đồ số 30 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong; yêu cầu giải quyết khoản nợ 50.000.000đ.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phương B về việc yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền 69.529.625đ và yêu cầu thanh toán 30.000.000đ giá trị tài sản đóng góp mua 01 ô tô hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với việc yêu cầu ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L trả lại 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Nguyễn Phương B.

2.1. Chia cho bà Trần Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 157m² thửa đất số 798, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 315155 mang tên ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L và 01 căn nhà tạm diện tích 50,4m²; 01 máy giặt Toshiba mới, 01 kệ trang điểm, 01 âm ly Caly D&Y, 02 cái loa hiệu Birici, 01 két sắt hiệu Bacehent, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 bàn inox, 01 tủ giày gỗ, 01 giàn năng lượng mặt trời + 01 bồn nước 1000 lít. Bà Trần Thị L có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật và được nhận số tiền 278.973.400đ (*Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm đồng*) chênh lệch giá trị tài sản chung do ông B thanh toán. Bà Trần Thị L có trách nhiệm giao trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/7/2009 cho ông Nguyễn Phương B.

Bà Trần Thị L được quyền sở hữu 01 xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu Thaco biển kiểm soát 49C – 149.88, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 065744 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp tháng 11 năm 2020.

2.2. Chia cho ông Phương Bình được quyền sử dụng diện tích 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 176637 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 11/8/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Phương B, 01 nhà ở cấp 4 diện tích 100m², 01 nhà tạm diện tích 56m² và diện tích 3.776m² thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28 xã P – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/7/2009 mang tên bà Trần Thị L, ông Nguyễn Phương B; 01 máy giặt hiệu Toshiba cũ (đã hỏng), 01 Bếp ga Asanzo, 01 bình ga, 01 máy lọc nước Sunhouse, 01 tủ chén bằng kính, 01 bàn lớn, 01 ghế nằm gỗ, 01 tủ quần áo gỗ, 04 giường gỗ, 10 ghế nhựa, 01 tủ gỗ, 1.000m ống tưới. Ông Nguyễn Phương B được nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 598515 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/7/2009 do bà Trần Thị L giao và có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật, có trách nhiệm thanh toán số tiền 278.973.400đ (*Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bảy*

mười ba nghìn bốn trăm đồng) chênh lệch giá trị tài sản chung cho bà Trần Thị L.

Ông Nguyễn Phương B được quyền sở hữu 02 máy trộn bê tông hiệu Hồng Ký, 01 máy đầm hiệu Mikasa, 01 máy cày hiệu Shiboura, 01 bộ bàn ghế gỗ (01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế nhỏ), 03 máy tưới hiệu Jiang Dong.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 03/5/2008 cho đến ngày thành niên. Ông Nguyễn Phương B cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Gia H1 với mức 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Phương B, bà Trần Thị L trả lại diện tích đất 111m² thửa đất số 752, tờ bản đồ số 31 xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Phương B mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí định giá tài sản 17.746.000đ; bà Trần Thị L đã quyết toán xong; ông Nguyễn Phương B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Trần Thị L số tiền 17.746.000đ.

6. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 85.479.668đ được khấu trừ vào số tiền 44.580.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007943 ngày 05 tháng 01 năm 2022 và 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002300 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị L còn phải nộp số tiền 40.599.668đ án phí.

Buộc ông Nguyễn Phương B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 85.779.668đ được khấu trừ vào 2.488.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003616 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Phương B còn phải nộp 83.291.668đ án phí.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh